

Số: 19 /2008/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Huyện lỵ huyện Lộc Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 20/2007/NĐ-CP ngày 07/02/2007 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã phường, huyện, thành lập các phường thuộc thị xã Hà Tĩnh, thành lập huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt qui hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán khảo sát, thiết kế quy hoạch chung Huyện lỵ, quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính Huyện Lộc Hà;

Theo đề nghị của UBND huyện Lộc Hà tại Tờ trình số 22/TTr-UB ngày 04/4/2006 (kèm theo Nghị quyết HĐND huyện Lộc Hà số 21/NQ-HĐND ngày 30/12/2007) về việc xin phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Huyện lỵ, huyện Lộc Hà;

Theo báo cáo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại văn bản số 176/SXD-QH ngày 31/7/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng huyện lỵ và quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm hành chính huyện Lộc Hà, với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng Huyện lỵ huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Lộc Hà.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện kiến trúc, qui hoạch đô thị và nông thôn, Bộ Xây dựng.

4. Vị trí, ranh giới, qui mô:

a) Vị trí qui hoạch: Thuộc địa bàn 2 xã: Thạch Bằng, Thạch Kim.

b) Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc giáp xã Thịnh Lộc.

- Phía Nam giáp sông Cửa Sốt.

- Phía Đông giáp Biên Đông.

- Phía Tây giáp xã Thạch Mỹ, Bình Lộc.

c) Qui mô: 1.550 ha.

5. Tính chất, mục tiêu qui hoạch:

a) Tính chất: Là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, thương mại, dịch vụ của Huyện Lộc Hà.

- b) Mục tiêu:
- Xác định địa giới hành chính, thành lập thị trấn huyện.
 - Làm căn cứ để quản lý, triển khai quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của Huyện lỵ Lộc Hà.
 - Định hướng xây dựng đô thị hiện đại ven biển, nhằm khai thác tối đa lợi thế về phát triển du lịch và khai thác tiềm năng về biển.

6. Nội dung quy hoạch:

a) Cơ cấu sử dụng đất:

T	T	Hạng mục	Qui hoạch					
			2015			2025		
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m ² /ng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m ² /ng
		Tổng DT đất tự nhiên	1550,35			1550,35		
		- Đất xây dựng đô thị	383,78			800,13		
		- Đất khác	1166,57			750,22		
		Đất xây dựng đô thị	383,78	100,00	225,75	800,13	100,00	235,33
I		Đất dân dụng	260,30	67,83	153,12	508,34	63,53	149,51
		Đất đơn vị ở	93,50	24,36	55,00	170,00	21,25	50,00
		Đất CTCC đô thị	28,80	7,50	16,94	49,94	6,12	14,39
		Đất cây xanh, TDTT	39,50	10,29	23,24	98,10	12,26	28,85
		Đất giao thông nội thị	98,50	25,67	57,94	191,30	23,91	56,26
II		Đất ngoài dân dụng	123,48	32,17	72,63	291,79	36,47	85,82
		Cơ quan, trường chuyên nghiệp	25,95	6,76	15,26	31,35	3,92	9,22
		Đất CN, TTCN, kho tàng	15,40	4,01	9,06	31,80	3,97	9,35
		Đất giao thông đối ngoại	0,00	0,00	0,00	6,20	0,77	1,82
		Đất du lịch	18,90	4,92		89,08	11,13	
		Đất di tích lịch sử, văn hoá	3,57	0,93		3,57	0,45	
		Đất cây xanh cách li - sinh thái	50,00	13,03		128,30	16,03	
		Đất an ninh quốc phòng	1,49	0,39		1,49	0,19	
		Đất nghĩa trang	8,17	2,13				
		B Đất khác	1166,57			750,22		
		Đất nông nghiệp	883,00			528,00		
		Đất lâm nghiệp	112,00			99,00		
		Đất chưa sử dụng	62,00			41,00		
		Đất Bãi biển	109,57			82,22		

b) Bố cục qui hoạch:

- Cơ cấu qui hoạch: Bao gồm trung tâm hành chính, chính trị, thương mại dịch vụ, văn hoá, thể dục thể thao, công viên cây xanh...; các cơ quan chuyên ngành cấp huyện, các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Khối cơ quan cấp thị trấn.

- Tổ chức các khu chức năng:

+ Khu trung tâm hành chính - chính trị huyện: Quy hoạch phía nam chân núi Bằng Sơn;

+ Khu trung tâm hành chính thị trấn quy hoạch tại trung tâm hành chính xã Thạch Bằng hiện nay.

Bảng tổng hợp chi tiết quỹ đất các cơ quan

Ký hiệu	Hạng mục	Diện tích (ha)		MĐ XD (%)	Tầng cao trung bình
		2015	2025		
	Đất cơ quan	20,1	20,1		
Q1	Đất cơ quan, các ban ngành	3,1	3,1	30	3
Q2	Đất cơ quan, TT huyện Lộc Hà	5,0	5,0	30	4
Q3	Đất cơ quan, các ban ngành	1,3	1,3	30	3
Q4	Đất cơ quan, các ban ngành	4,5	4,5	30	3
Q5	Đất cơ quan, các ban ngành	3,0	3,0	30	3
Q6	Đất cơ quan, các ban ngành	3,2	3,2	30	3

+ Khu văn hoá: Quy hoạch công trình văn hoá gồm nhà văn hoá huyện, quảng trường trung tâm và các công trình văn hoá theo thiết chế văn hoá cấp huyện bố trí bên cạnh khu trung tâm hành chính.

+ Khu thương mại tập trung: Bố trí phía Nam quảng trường trung tâm.

Bảng chi tiết các khu TT công cộng dịch vụ - hành chính

Ký hiệu	Hạng mục	Diện tích (ha)		MĐ XD (%)	Tầng cao trung bình
		2015	2025		
	Công cộng dịch vụ	28,8	48,94		
C1	Công trình dịch vụ		6	30	3
C2	Công trình dịch vụ		1,86	30	3
C3	Công trình dịch vụ		2,7	30	3
C4	Công trình dịch vụ		2,68	30	3
C5	Công trình dịch vụ	2,1	2,1	30	3
C6	Công trình dịch vụ	3,2	3,2	30	3
C7	Công trình dịch vụ	1,8	1,8	30	3
C8	Công trình dịch vụ	1,8	1,8	30	3
C9	Công trình dịch vụ	2,3	2,3	30	3
C10	TT điều dưỡng	2,5	2,5	30	3
C11	Công cộng dịch vụ	1,5	1,5	35	3,5
C12	Trung tâm cấp thị trấn	3,7	3,7	30	3
C13	Trung tâm thị trấn Lộc Hà	2,8	2,8	25	2,5
C14	Công cộng dịch vụ	3,4	3,4	30	3
C5	Dịch vụ ven Sông	0,9	0,9	25	2,5
C16	Chợ Thạch Bằng	0,6	0,6	30	3
C17	Trung tâm Y tế	1,7	1,7	30	3
C22	Công cộng dịch vụ	0,5	0,5	30	3
C23	Công cộng dịch vụ		1,3	30	3
C27	Dịch vụ Cảng		1,3	30	2
C28	Bệnh viện		4	35	3
C29	Công cộng dịch vụ		0,3	30	2

+ Khu công viên cây xanh và Khu trung tâm TĐTT: Bố trí xung quanh chân núi Bằng Sơn, khu văn hoá du lịch biển bố trí kết hợp với làng du lịch nghỉ dưỡng ven biển phía Đông núi Bằng Sơn.

+ Khu thể dục thể thao: Bố trí quần thể công trình TĐTT bao gồm sân bóng đá, sân thể thao hỗn hợp trong và ngoài nhà kết hợp các công trình dịch vụ đô thị tại phía Tây hồ trung tâm.

Bảng tổng hợp chi tiết công viên cây xanh – TĐTT

Ký hiệu	Hạng mục	Diện tích (ha)		Tỷ lệ sử dụng đất (%)			
		2015	2025	Mặt nước	Đất cây xanh	Đất XD công trình	Sân đường
1	TĐTT, Công viên cây xanh	39,5	98,1				
X1	Công viên CX văn hoá văn nhân	4,0	18,2		90	5	5
X2	Sân vận động - TĐTT	10,6	10,6		50	10	40
X3	Quảng trường trung tâm	9,3	9,3	45	47	5	3
X4	Cây xanh vườn hoa	0,5	0,5		95	2	3
X5	Cây xanh vườn hoa	5,6	5,6		95	2	3
X6	Cây xanh công viên nghĩa trang	5,0	24,6		94	1	5
X7	Cây xanh vườn hoa - mặt nước	2,0	3,4	30	58	5	7
X8	Cây xanh vườn hoa - mặt nước	2,5	8,7	25	63	5	7
X9	Cây xanh vườn hoa - mặt nước		9	20	72	3	5
X10	Cây xanh vườn hoa - mặt nước		8,2	40	54	3	3
2	Cây xanh khác	50,0	128,3				
X11	Cây xanh sinh thái (Đất lâm nghiệp)	50,0	113	100			
X12	Cây xanh công viên văn hoá biển		15,3		95	2	3
	Tổng	89,5	226,4				

+ Khu trung tâm giáo dục đào tạo, hướng nghiệp dạy nghề: Bố trí gần kề khu trung tâm TĐTT

Bảng tổng hợp đất XD trường TH phổ thông, hướng nghiệp dạy nghề

Ký hiệu	Hạng mục	Diện tích (ha)		MĐ XD (%)	Tầng cao trung bình
		2015	2025		
	Đất trường chuyên nghiệp	5,85	11,25	30	3
T1	Trường TH phổ thông	1,0	1	30	3
T2	Trường TH phổ thông		3,2	30	3
T3	Trường chuyên nghiệp	3,05	3,05	30	3
T4	Trường chuyên nghiệp	1,8	4	30	3

+ Khu trung tâm Y tế: Quy hoạch tại xã Thạch Châu (theo dự án bệnh viện huyện đã được phê duyệt).

+ Khu Du lịch nghỉ dưỡng: Quy hoạch tại núi Bằng Sơn và dọc bờ biển ven chân núi Bằng Sơn.

Bảng tổng hợp đất dịch vụ du lịch biển

Ký hiệu	Hạng mục	Diện tích (ha)		MĐ XD (%)	Tầng cao trung bình
		2015	2025		
I	Công cộng dịch vụ du lịch biển	7,5	18,5		
C18	Công cộng dịch vụ du lịch biển		10	25	2
C19	Công cộng dịch vụ du lịch biển	2,3	2,3	25	2
C20	Công cộng dịch vụ du lịch biển	2,3	2,3	25	2
C21	Công cộng dịch vụ du lịch biển	1,5	1,5	25	2
C24	Chợ Thạch Kim, dịch vụ du lịch		0,7	25	2
C25	Công cộng dịch vụ du lịch biển	1,4	1,4	25	2
C26	Công cộng dịch vụ du lịch biển		0,3	25	2
II	Đất du lịch	18,90	89,08		
DL1	Đất du lịch ven biển		15,58	15	1,2
DL2	Đất du lịch ven biển		54,60	15	1,2
DL3	Đất du lịch ven biển	8,90	8,90	15	1,2
DL4	Đất du lịch ven biển	10,00	10,00	15	1,2

+ Các Khu, Cụm công nghiệp, TTCN, kho tàng:

* Khu công nghiệp, TTCN, nghề truyền thống quy hoạch tại cảng cá Thạch Kim và Thạch Bằng.

* Khu TTCN tập trung quy hoạch phía Bắc tỉnh lộ 22/12.

Bảng tổng hợp đất các cụm công nghiệp – TTCN

Ký hiệu	Tên khu công nghiệp	Loại hình	Diện tích đất (ha)		MĐ XD (%)	Tầng cao TB	Lao động (Người)	
			2015	2025			2015	2025
CN1	Cảng Cửa Sốt	Cảng cá	2,7	2,7	30	1-2	405	405
CN2	Dịch vụ hậu cần Cảng		2,0	2,0	30	1-1.5	400	400
CN3	Kho tàng,	Kho bãi	4,7	4,7	45	1-1.2	235	235
CN4	Công nghiệp, TTCN	CN sạch, TTCN		4,4	50	1-1.5	0	880
	CN, TTCN phân tán		6	18	40	1-1.5	1500	4500
		Tổng:	15,4	31,8			2540	6420

+ Các khu ở đô thị bao gồm:

* Khu ở Thạch Kim trên cơ sở hiện trạng thuộc xã Thạch Kim, chính

trang, nâng cấp các đơn vị ở.
* Khu ở Thạch Bằng trên cơ sở hiện trạng thuộc xã Thạch Bằng chính

trang, nâng cấp các đơn vị ở.
* Khu ở trung tâm huyện lỵ là các khu nhà ở hiện kê mặt phố trong Khu
trung tâm huyện lỵ.
* Quy hoạch tái phát triển phía Tây núi Bằng Sơn giáp đường 22/12 một khu ở theo
mô hình khu đô thị mới, hiện đại.

* Quy hoạch phía Tây Thạch Bằng (giáp đường 22/12, Tỉnh lộ 9 và một
phần dân cư hiện trạng xóm 4 Thịnh Lộ) thành khu ở làng xóm đô thị hoá.

Bảng tổng hợp đất các khu ở

Ký hiệu khu đất	Dân số (người)	MĐ XD (%)	Tầng cao TB TB	Diện tích đơn vị ở (ha)	Phân theo loại đất ở	
					Cải tạo xen cấy	Khu ở mới
N1	2210	23	2,5	14,76		
N2	1970	23	2,5	13,00		
N3	3450	30	2,5	17,75		
N4	2700	29	2,5	14,20		
N5	700	23	2,5	4,68		
N6	1470	23	2,5	9,77	8,12	1,65
N7	1700	23	2,5	11,30	8,39	1,58
N8	680	23	2,5	4,52	2,60	
N9	3100	37	3,0	10,70		10,70
N10	1720	37	3,0	5,92		5,92
N11	2190	37	3,0	7,55		7,55
N12	1630	37	3,0	5,62		5,62
N13	1140	31	3,0	4,74		4,74
N14	1280	31	3,0	5,34		4,81 0,53
N15	1700	30	3,0	7,25		7,25
N16	1410	31	2,5	7,05	1,11	4,81 1,13
N17	1910	31	2,5	9,54	3,90	4,29 1,35
N18	990	30	3,0	4,29		4,29
N19	1490	22	3,0	8,75	0,98	7,77
N20	560	22	3,0	3,27	2,60	0,67
Tổng	34000,0			170,0	92,1	71,7 6,2

c) Các chỉ tiêu qui hoạch

- Khu trung tâm hành chính - chính trị huyện:

+ Mật độ xây dựng: 30%;

+ Tầng cao trung bình: 3 tầng;

+ Hệ số sử dụng đất: 0,9;

- Khu trung tâm hành chính thị trấn:

+ Mật độ xây dựng: 30%;

+ Tầng cao trung bình: 3 tầng;

+ Hệ số sử dụng đất: 0,9;

- Khu trung tâm văn hoá:

- + Mật độ xây dựng: 30%;
- + Tầng cao trung bình: 2,5 tầng;
- + Hệ số sử dụng đất: 0,75;
- Khu trung tâm thương mại tập trung:
 - + Mật độ xây dựng: 30%;
 - + Tầng cao trung bình: 3 tầng;
 - + Hệ số sử dụng đất: 0,9;
- Khu trung tâm giáo dục đào tạo, hướng nghiệp dạy nghề:
 - + Mật độ xây dựng: 30%;
 - + Tầng cao trung bình: 3 tầng;
 - + Hệ số sử dụng đất: 0,9;
- Các khu Công nghiệp, TTCN, kho tàng:
 - + Mật độ xây dựng: 40%;
 - + Tầng cao trung bình: 1,5 tầng;
 - + Hệ số sử dụng đất: 0,6;
- Khu trung Du lịch nghỉ dưỡng:
 - + Mật độ xây dựng: 25%;
 - + Tầng cao trung bình: 2 tầng;
 - + Hệ số sử dụng đất: 0,5;
- Đơn vị ở:
 - + Mật độ xây dựng bình quân: 28%;
 - + Tầng cao trung bình: 2,5 tầng;
 - + Hệ số sử dụng đất: 0,7 ;

d) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông (Bản đồ KTH06):

+ Giao thông nội thị: Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đường để hoàn chỉnh hệ thống giao thông đô thị. Mạng lưới đường đô thị bao gồm: Đường trục chính chỉ giới 42 m. Đường chính khu vực chỉ giới 20 m. Đường liên khu vực 15m. Đường khu vực 18m.

+ Giao thông đối ngoại: Bao gồm các tuyến vào đô thị: Tỉnh Lộ 9; Tỉnh lộ 7 và đường 22/12, đường ven biển kết hợp kè chắn sóng (mặt cắt 7*-7*) và đường ven sông kết hợp đê (mặt cắt 5-5).

Bảng tổng hợp mặt cắt đường giao thông

TT	Mặt cắt	Kích thước mặt đường xe chạy (m)	Giải phân cách (m)	Kích thước vỉa hè (m)	Chỉ giới đường đô (m)	Ghi chú
1	1-1	2x18,75	10,0	2x11,25	70,0	Trục chính đô thị
2	2-2	2x15,0	2,0	2x10,0	52,0	
3	3-3	15,0		2x15,0	45,0	
4	3*-3*	2x12,0	9,0	2x6,0	45,0	
5	4-4	2x12,0	2,0	2x8,0	42,0	
6	5-5	15,0		2x6,0	27,0	
7	6-6	8,0	0	2x6,0	20,0	
8	7-7	7,5	0	2x4,0	15,5	
9	7*-7*	7,5		2x4,0	15,5	
10	8-8	2x7,5	38,0	2x4,0	61,0	

+ Giao thông tĩnh: Bao gồm bến xe phía Nam qui mô diện tích 1,6 ha; bến xe phía Tây diện tích 1,3 ha. Hệ thống bãi đỗ xe công cộng được bố trí trong các khu ở, công trình công cộng.

- Chuẩn bị kỹ thuật (Bản đồ KTH07)

+ San nền: Cao độ nền xây dựng bình quân +3,1, dốc theo hướng Đông Bắc - Tây Nam để đảm bảo không ngập lụt với tần suất 5%.

+ Thoát nước mưa, nước bẩn (Bản đồ KTH10): Giai đoạn đầu nước mưa và nước bẩn đi chung. Nước bẩn các công trình hoặc cụm công trình phải được thu gom vào bể tự hoại sau đó đưa vào hệ thống thoát nước chung của trung tâm. Giai đoạn sau nước mưa và nước bẩn đi riêng. Hệ thống thoát nước được đi theo hệ thống giao thông bằng các cống dọc trên vỉa hè kích thước 600x600 & 800x1200.

* Hướng thoát chính: Đông Bắc - Tây Nam

* Lưu vực thoát:

Lưu vực 1: Khu vực phía Đông giáp với biển, nước tự chảy vào hệ thống cống chính dọc theo đường giao thông thoát ra biển bằng 2 cửa xả.

Lưu vực 2: Khu vực phía Nam từ núi Bằng Sơn xuống sông Cửa Sốt, nước được thu bằng hệ thống cống chính dọc theo đường giao thông sau đó đưa ra sông Cửa Sốt.

Lưu vực 3: Khu vực phía Tây, nước được đưa ra sông Cửa Sốt.

+ Cấp nước (Bản đồ KTH08): Chỉ tiêu cấp nước giai đoạn đầu 70lít/người/ngày đêm, với 75% số hộ dân được dùng nước. Giai đoạn sau 100lít/người/ngày đêm, với 95% số hộ dân được dùng nước.

* Giai đoạn đầu xây dựng nhà máy nước công suất 2.500M³/ngày đêm, dài hạn 6.500M³/ngày đêm.

* Nguồn nước lấy từ sông Nghèn, đường ống trục chính D=200-D=250.

* Mạng lưới cấp nước: Hệ thống đường ống cấp I đường kính D= 200 - D=150 cấp cho toàn khu trung tâm đi theo hệ thống giao thông. Đường ống cấp II đường kính D= 150- D=100 cấp cho khu vực. Mạng cấp nước theo hệ mạch vòng.

+ Cấp điện (Bản đồ KTH09)

* Nguồn điện: Lấy từ trạm trung gian Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh. Tổng công suất giai đoạn đầu là 12MVA, giai đoạn sau 26,5MVA.

* Mạng lưới cấp điện đô thị: Hệ thống đường dây đi ngầm, theo hệ thống giao thông. Các trạm biến áp lưới sử dụng trạm xây, khoảng cách giữa các trạm nhỏ hơn 300m.

* Điện chiếu sáng đi theo hệ thống giao thông.

+ Thông tin liên lạc (Bản đồ KTH11): Xây dựng 01 trạm viễn thông kết hợp với bưu chính, 02 trạm thu phát sóng. Hệ thống truyền dẫn tín hiệu bằng cáp quang đi theo hệ thống giao thông.

+ Vệ sinh môi trường

* Xử lý chất thải rắn đô thị: Chất thải rắn được thu gom sau đó đưa đến nhà máy chế biến chất thải rắn của tỉnh tại huyện Thạch Hà. Chất thải rắn y tế độc hại được đốt tập trung bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn tại bệnh viện.

* Nghĩa địa: Di chuyển các nghĩa địa nhỏ nằm rải rác trong phạm vi nội thị vào nghĩa trang khu vực.

8. Quy hoạch xây dựng đợt đầu: (đến năm 2015)

- Hoàn thành việc cắm mốc địa giới hành chính Huyện lỵ và cắm mốc chỉ giới quy hoạch.

- Triển khai quy hoạch chi tiết Khu trung tâm hành chính và các khu chức năng theo quy hoạch chung xây dựng huyện lỵ đã được phê duyệt.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị: Giao thông, san nền, cấp nước, thoát nước, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, xử lý rác thải đô thị...; Hạ tầng xã hội tại Khu trung tâm hành chính Huyện lỵ: Trụ sở Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện và các cơ quan cấp tỉnh và trung ương đóng trên địa bàn huyện, Bệnh viện, trường học..v.v.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan liên quan:

1. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với UBND huyện Lộc Hà thống nhất ban hành qui định quản lý quy hoạch xây dựng theo đồ án qui hoạch được phê duyệt, tổ chức giới thiệu rộng rãi quy hoạch này trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng để nhân dân được biết và theo dõi việc thực hiện.

2. UBND huyện Lộc Hà phối hợp với chính quyền các địa phương liên quan triển khai việc cắm mốc chỉ giới xây dựng theo đồ án qui hoạch đã được duyệt, đồng thời thực hiện quản lý qui hoạch, quản lý đất đai theo phân khu chức năng, quản lý các mốc giới xây dựng Huyện lỵ theo đúng qui định hiện hành; Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tổ chức tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn tham gia quản lý và bảo vệ quy hoạch đã được phê duyệt. Triển khai xây dựng qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000; tỷ lệ 1/500 các khu chức năng đô thị và tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội theo đồ án quy hoạch đã được duyệt.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính hàng năm cân đối, bố trí lồng ghép các nguồn vốn ưu tiên đầu tư xây dựng qui hoạch chi tiết 1/2.000 các khu chức năng, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội Huyện lỵ Lộc Hà theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND huyện Lộc Hà, Chủ tịch UBND các xã có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

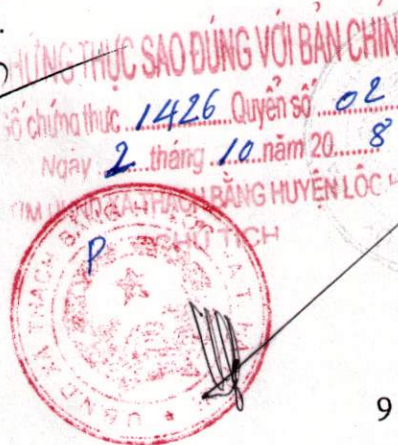
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT-XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

Trần Đình Nhu